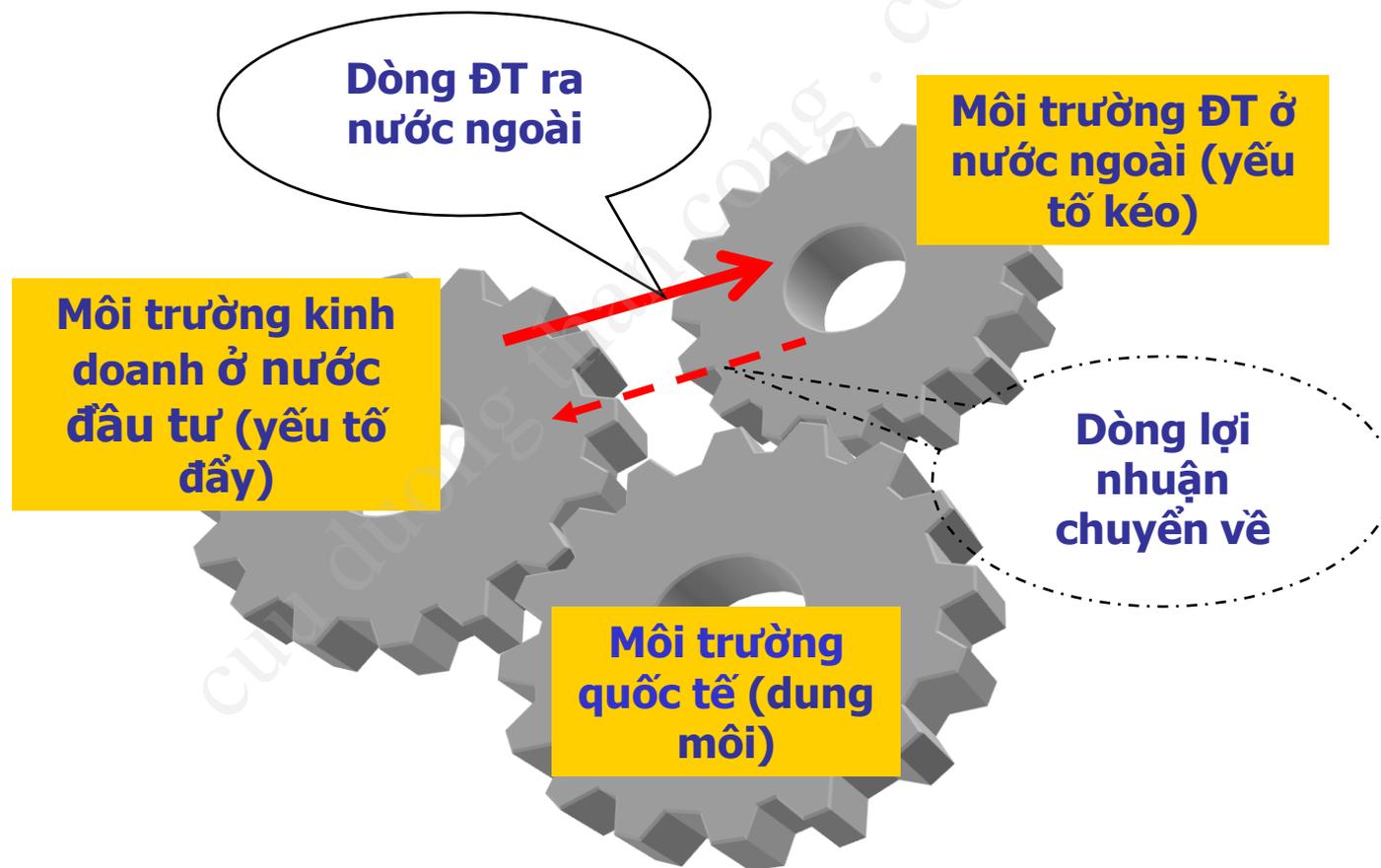


Chương 4. Môi trường đầu tư quốc tế

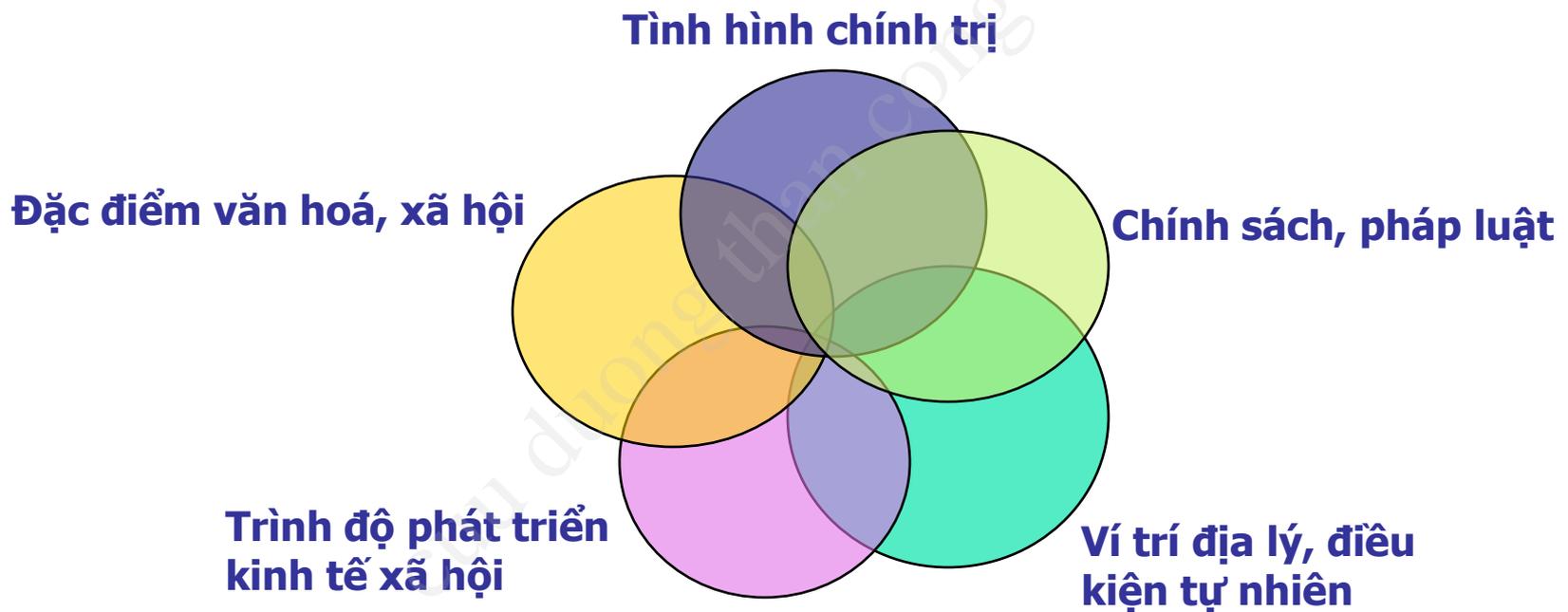
- Mục đích:
 - Nắm được các yếu tố quyết định lưu chuyển dòng ĐTQT
- Mục tiêu:
 - Nắm được các yếu tố của môi trường ĐTQT
 - Phân tích, đánh giá được điểm hấp dẫn và hạn chế của môi trường thu hút đầu tư nước ngoài ở Việt Nam
- Phương pháp:
 - Nghiên cứu các yếu tố về mặt lý thuyết
 - Phân tích một số trường hợp
 - Nghiên cứu các yếu tố của môi trường ĐTNN ở Việt Nam

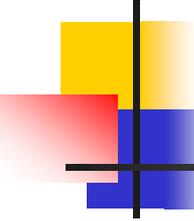
Mô hình hoá môi trường ĐTQT



Nguồn: Phùng Xuân Nhạ, 2001, Giáo trình Đầu tư quốc tế, tr. 72

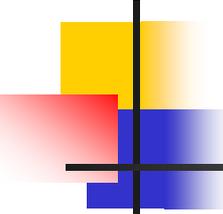
Môi trường đầu tư ở nước ngoài





Tình hình chính trị

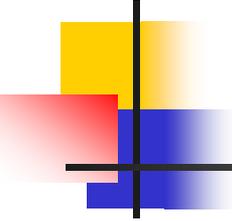
- Ổn định chính trị là điều kiện tiên quyết đảm bảo cam kết của chính phủ đối với nhà đầu tư về:
 - Đảm bảo sở hữu của nhà đầu tư
 - Định hướng đầu tư của nước chủ nhà và duy trì ưu đãi trong chính sách thu hút đầu tư nước ngoài
- Ổn định chính trị là điều kiện gián tiếp đảm bảo:
 - Duy trì ổn định kinh tế và xã hội ở nước chủ nhà
 - Đường lối đối ngoại của nước chủ nhà



Chính sách, pháp luật

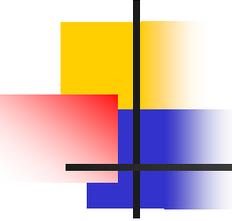
- Nhà đầu tư đặc biệt quan tâm:
 - Đủ luật pháp, chính sách cho các hoạt động kinh doanh và sinh hoạt của nhà đầu tư ở nước chủ nhà
 - Minh bạch, đồng bộ, chặt chẽ và hiệu quả thực hiện cao
 - Phù hợp với thông lệ quốc tế
 - Không phân biệt đối xử, ưu đãi đầu tư và sinh hoạt ở nước đầu tư
- Một số điểm quan tâm khác:
 - Tham nhũng
 - Thủ tục hành chính

(Năm 2008 Việt Nam đứng thứ 121/180 về chỉ số tham nhũng (Corruption Perception Index – Nguồn: BMI Vietnam Business Forecast Report , Feb. 2009, p. 11)



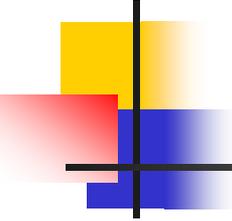
Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

- Vị trí địa lý:
 - Địa điểm
 - Địa hình
- Điều kiện tự nhiên:
 - Khí hậu
 - Tài nguyên
 - Dân số
 - Danh lam thắng cảnh



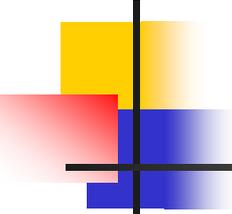
Trình độ phát triển kinh tế

- Trình độ quản lý kinh tế vĩ mô:
 - Hiệu quả vận hành nền kinh tế
 - Khả năng tiếp cận của nhà đầu tư nước ngoài vào nước chủ nhà
 - Thủ tục hành chính
- Số và chất lượng dịch vụ
- Khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nước chủ nhà



Đặc điểm văn hoá xã hội

- Cách tư duy
- Ngôn ngữ
- Tôn giáo, đạo đức xã hội
- Tập quán, thị hiếu
- Giáo dục



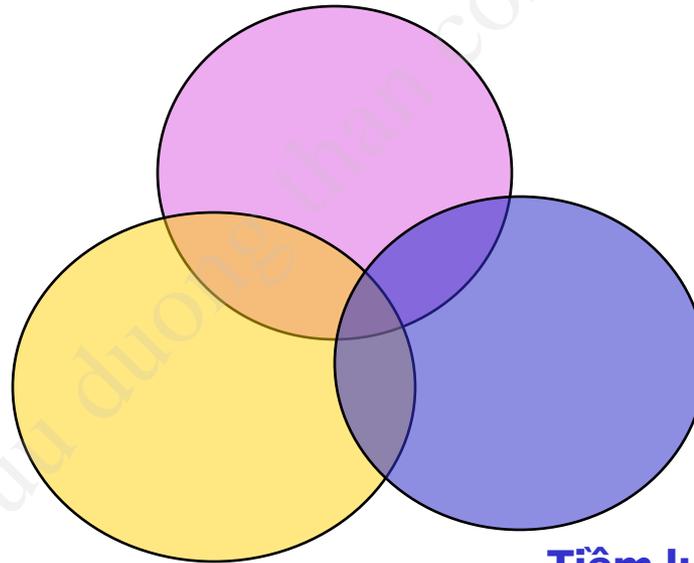
Lợi thế của Việt Nam

- Lợi thế địa chiến lược: được tạo thành nhờ vị trí địa lý "Indochina" – Đông dương..
- Lợi thế về hình thế đất nước
- Lợi thế về cơ cấu dân số vàng
- Lợi thế về nguồn nhân lực có tiềm năng trí tuệ và kỹ năng lao động cao
- Lợi thế ổn định chính trị-xã hội
- Lợi thế mạng lưới người Việt ở nước ngoài đông đảo và rộng khắp trên thế giới
- Lợi thế nước đi sau

Nguồn: Trần đình Thiên, Dòng vốn FDI trong tầm nhìn hội nhập, 20 năm đầu tư nước ngoài- Nhìn lại và hướng tới 1987-2007, tr. 222-230 (tr.227)

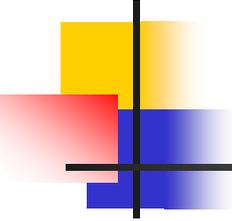
Môi trường kinh doanh ở nước đầu tư

Thay đổi chính sách kinh tế
vĩ mô



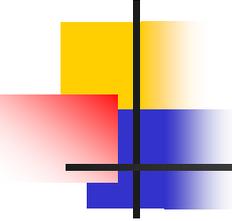
Chính sách thúc đẩy
đầu tư ra nước ngoài

Tiềm lực kinh tế, Khoa học,
công nghệ và chính sách xã hội



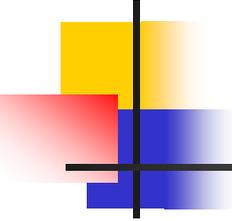
Thay đổi chính sách kinh tế vĩ mô

- Chính sách tài chính-tiền tệ:
 - Thay đổi lãi suất, tỷ giá hối đoái
 - Tăng/ giảm thuế, tỷ lệ lạm phát
- Chính sách xuất nhập khẩu:
 - Ưu đãi hạn ngạch xuất/nhập khẩu
 - Điều chỉnh danh mục và biểu thuế XNK
- Chính sách quản lý ngoại hối:
 - Tự do hoá hoặc hạn chế thị trường vốn
 - Quy định tỷ lệ dự trữ bắt buộc



Hoạt động thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài

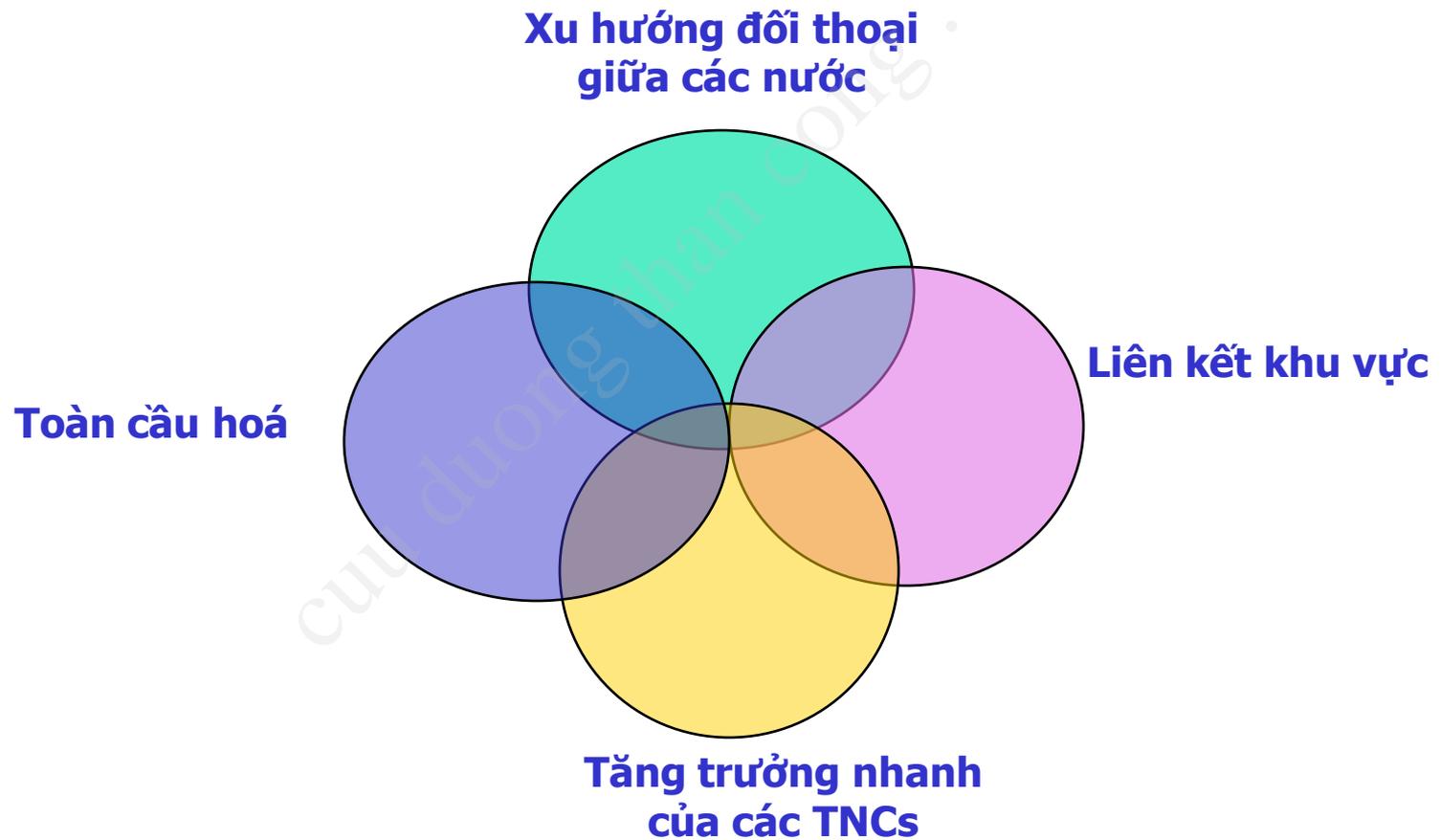
- Ký kết các hiệp định đầu tư, tránh đánh thuế hai lần:
 - Hiệp định song phương, đa phương: Tạo cơ sở pháp lý ưu đãi và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư ở nước ngoài
 - Hiệp định tránh đánh thuế hai lần: tạo hấp dẫn về mặt tài chính cho nhà đầu tư
- Trợ giúp tài chính trong xúc tiến đầu tư:
 - Hỗ trợ trong các chương trình xúc tiến và khảo sát
 - Bảo hiểm rủi ro trong trường hợp đầu tư ra nước ngoài
- Các hoạt động khác:
 - Hỗ trợ phát triển chính thức
 - Các chính sách, dịch vụ khác

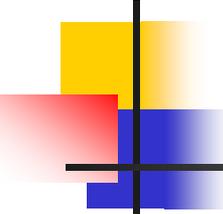


Tiềm lực kinh tế, Khoa học-công nghệ và chính sách xã hội

- Khả năng tích lũy:
 - Tích lũy cao (dư vốn)
 - Tiềm lực Khoa học-công nghệ: Nhu cầu xuất khẩu công nghệ và khai thác lợi thế độc quyền
- Chính sách phúc lợi xã hội cao:
 - Giảm rào cản di chuyển vốn ra nước ngoài
 - Công ty chuyển vốn ra nước ngoài để tránh thuế cao

Môi trường quốc tế



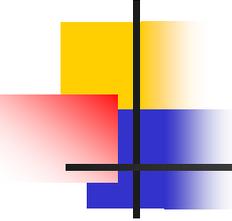


Xu hướng đối thoại chính trị giữa các nước

- Đối thoại chính trị:
 - Giảm đối đầu, chiến tranh lạnh
 - Giảm nguy cơ chiến tranh
- Tăng hợp tác kinh tế:
 - Tăng hiệp định song phương, đa biên về thương mại và đầu tư
 - Thúc đẩy tự do hoá kinh tế: giảm rào cản thương mại, đầu tư
- Hội nhập quốc tế:
 - Hình thành các khu vực tự do hoá thương mại, đầu tư
 - Giảm rủi ro đầu tư

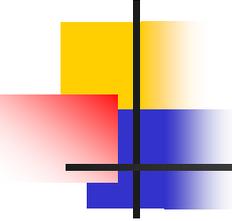
Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam (đến 2007)

- Đến năm 2007, Việt Nam đã có quan hệ kinh tế với 224 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới,
 - đã ký hơn 350 hiệp định hợp tác phát triển song phương,
 - 87 hiệp định thương mại,
 - 51 hiệp định thúc đẩy và bảo hộ đầu tư,
 - 40 hiệp định tránh đánh thuế hai lần,
 - 81 thoả thuận về đối xử tối huệ quốc.
-
- **Nguồn:** Bui (2007), Lưu Ngọc Trinh và Trần Thị Lan Hương (2007).



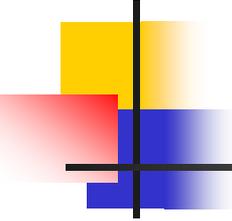
Liên kết khu vực

- Khai thác được hiệu quả từ qui mô:
 - Mở rộng qui mô thị trường tiêu thụ
 - Giảm chi phí đầu tư
- Khai thác hiệu quả chuyên môn hoá, hợp tác hoá sản xuất:
 - Tăng chuyên môn hoá sản xuất
 - Tạo cơ hội cho TNCs thực hiện giá chuyển giao



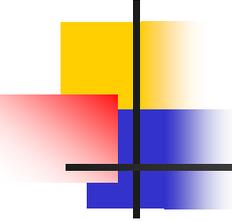
Tăng trưởng nhanh của các TNCs

- TNCs và đầu tư quốc tế
 - Đầu tư quốc tế thực hiện chủ yếu bởi các TNCs
 - Thúc đẩy tự do hoá đầu tư
- TNCs và cách mạng KHKT:
 - Thúc đẩy phát triển KHKT: Là chủ thể chính thực hiện R&D
 - Hỗ trợ phát triển KHKT: đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực



Tốc độ toàn cầu hoá và phát triển công nghệ

- Toàn cầu hoá và sản xuất quốc tế:
 - Tăng chuyên môn hoá và hợp tác hoá sản xuất giữa các nước: tạo điều kiện cho các TNCs khai thác lợi thế cạnh tranh trên phạm vi toàn cầu
 - Tạo điều kiện cho việc phân bổ các nguồn lực sản xuất quốc tế: giảm chi phí
- Toàn cầu hoá và tự do hoá đầu tư:
 - Giảm bớt rào cản di chuyển các yếu tố sản xuất giữa các nước: Tạo điều kiện cho nhà đầu tư di chuyển đầu tư ra nước ngoài và phân bổ sản xuất giữa các nước
 - Hình thành các khu vực đầu tư tự do: Loại bỏ rào cản đầu tư
- Phát triển công nghệ:
 - giảm bớt chi phí,
 - mở rộng phạm vi đầu tư,
 - tăng khả năng cạnh tranh



Tài liệu đọc thêm

- 1. UNCTAD, Nov. 2007, Investment Policy Review of Vietnam
- 2. Ngày mai 1/7: Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư có hiệu lực. Cập nhật 30/06/2006, <http://www.VNMedia.vn>
- 3. Gia nhập WTO: Ảnh hưởng của Trung Quốc đến Việt Nam.
Ngày 07/08/2006. <http://www.VNexpress.net> (theo Thời báo Kinh tế Việt Nam, TS Phan Minh Ngọc, ĐH Kyushu, Nhật Bản)
- 4. Đồng Hiếu, Việt Nam tụt hạng xếp loại môi trường kinh doanh, 06/09/2006. VietnamNet
- 4. Thùy Trang, FDI và hiệu ứng gia nhập WTO,
■ <http://www.VNexpress.net>, ngày 21/01/2008
- 5. World Investment Report, 1998; 2004, 2005, 2008. 2010
<http://www.uctad.org/templates/>
- Tìm thêm tài liệu mới trên internet